

TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

★ PGS, TS TRẦN QUANG PHÚ

★ TS BÙI THỊ HỒNG HÀ

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.580.2026.96>

● **Tóm tắt:** Các trường đại học có vai trò quan trọng trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Trên cơ sở phân tích thực trạng vai trò của trường đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, bài viết đề xuất các giải pháp tăng cường vai trò hạt nhân của trường đại học nhằm phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam.

● **Từ khóa:** trường đại học; hệ sinh thái khởi nghiệp; khởi nghiệp sáng tạo.

Strengthening the role of universities in the innovative startup ecosystem

● **Abstract:** Universities hold a crucial role in the innovative startup ecosystem. Based on the analysis of the current status of the role of universities in the innovative startup ecosystem, the article proposes solutions to strengthen the core role of universities to develop innovative startup businesses and the innovative startup ecosystem in Vietnam.

● **Keywords:** universities; startup ecosystem; innovative startup.

1. Mở đầu

Trong thời đại kinh tế tri thức, các trường đại học không chỉ là cơ sở đào tạo và nghiên cứu mà còn trở thành trụ cột của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Ở nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ít-xra-en, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup) phần lớn hình thành từ trường đại học. Đây là cái nôi của nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao, nơi sản sinh tri thức và công nghệ, là trung tâm truyền cảm hứng, phát triển ý tưởng khởi nghiệp và là nền tảng quan trọng để thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước liên tục khẳng định vai trò của trường đại học trong hệ

sinh thái đổi mới sáng tạo, đặc biệt tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”; Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030. Tuy nhiên,

kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng với tiềm năng: giai đoạn 2016-2022, chỉ khoảng dưới 10% doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo xuất phát từ đại học; số lượng doanh nghiệp spin-off (mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp từ các viện nghiên cứu, trường đại học) thành lập mới còn rất hạn chế, chưa đến 200 doanh nghiệp sau gần một thập kỷ (Đăng Đức Thành, 23/11/2023). Đại hội XIV của Đảng đã chỉ rõ, để hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2045, “Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học;” là một trong tám nội dung xuyên suốt tập trung triển khai (ĐCSVN, 2026, tr. 32).

2. Nội dung

2.1. Vai trò của trường đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp

Báo cáo Khởi nghiệp 2014 của OECD định nghĩa hệ sinh thái khởi nghiệp là “tổng hợp các mối liên kết chính thức và phi chính thức giữa các chủ thể khởi nghiệp (đã tồn tại hoặc tiềm năng), các tổ chức khởi nghiệp (thí dụ: công ty, nhà đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư thiên thần, hệ thống ngân hàng), các cơ quan liên quan (trường đại học, các cơ quan nhà nước, các quỹ đầu tư công) và tiến trình khởi nghiệp (tỷ lệ thành lập doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp có tỷ lệ tăng trưởng tốt, số lượng các nhà khởi nghiệp, tinh thần bán hàng và tham vọng kinh doanh) tác động trực tiếp đến môi trường khởi nghiệp tại địa phương” (Mason & Brown, 2014).

Trong cấu trúc của hệ sinh thái khởi nghiệp hiện đại, trường đại học không đơn thuần là nơi truyền thụ tri thức mà đã trở thành trung tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Vai trò này được thể hiện qua ba phương diện chủ đạo là:

Một là, cung ứng nhân lực và định hướng tư duy khởi nghiệp

Năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia phụ thuộc mật thiết vào chất lượng đào tạo đội ngũ chuyên gia và nhà khoa học. Cơ sở giáo dục đại học tác động xuyên suốt ba giai đoạn của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo từ giai đoạn hình thành ý tưởng, phát triển sản phẩm đến tăng trưởng. Ở giai đoạn sơ khởi, nhà trường đóng vai trò định hướng và truyền cảm hứng, tinh thần khởi nghiệp thông qua đội ngũ giảng viên và các trung tâm hỗ trợ. Bằng việc cung cấp nền tảng tri thức và thúc đẩy hợp tác liên ngành, nhà trường giúp người học kết nối nguồn lực và xây dựng đội ngũ nòng cốt (Hoàng Thị Bảo Thoa, 2022). Khi bước vào giai đoạn thương mại hóa, vai trò hỗ trợ của nhà trường chuyển dịch sang cung cấp khung lý thuyết quản trị (pháp lý, thuế, kế toán) và không gian làm việc chung (co-working space). Ở giai đoạn tăng trưởng, trường đại học khẳng định vị thế tiên phong bằng cách cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao với tư duy chiến lược lẫn kỹ năng thực tiễn, bảo đảm sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Hai là, trụ cột nghiên cứu và phát triển

Việc triển khai các hoạt động nghiên cứu và phát triển được xem là sứ mệnh cốt lõi thứ hai của trường đại học, gắn liền với công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Hoạt động này bao gồm: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và thực nghiệm triển khai. Năng lực khoa học, công nghệ của cơ sở đào tạo được định lượng cụ thể thông qua các chỉ số về công bố quốc tế, số lượng bằng sáng chế, chứng nhận sở hữu trí tuệ và các giải pháp hữu ích được công nhận.

Ba là, vườn ươm đại học

Mô hình giáo dục đại học truyền thống tập trung nhiều hơn vào lý thuyết, nhưng các doanh nghiệp khởi nghiệp (startup) đòi hỏi kỹ năng thực tiễn và khả năng chấp nhận rủi ro. Vì vậy,

các vườn ươm đại học thu hẹp khoảng cách này bằng cách cung cấp: (1) Kinh nghiệm thực tiễn giúp sinh viên được tiếp cận các ý tưởng kinh doanh thực tế mà trường lớp khó có thể cung cấp. (2) Tương tác đa ngành: các vườn ươm là nơi sinh viên từ nhiều lĩnh vực khác nhau gặp gỡ và tương tác, thúc đẩy tư duy mới và chia sẻ ý tưởng. (3) Tiếp cận nguồn tài chính và nhà đầu tư: hầu hết các vườn ươm hợp tác với các nhà đầu tư mạo hiểm để tìm kiếm nguồn vốn ban đầu cung cấp cho sinh viên một khởi đầu thuận lợi trong kinh doanh. (4) Cố vấn và hướng dẫn (mentors): các chuyên gia trong ngành và các doanh nhân giàu kinh nghiệm cố vấn, hướng dẫn sinh viên trong suốt quá trình khởi nghiệp.

Bốn là, cung cấp tri thức, thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và khởi nghiệp

Điều này đóng góp đáng kể vào việc phát triển và đổi mới sản phẩm, thúc đẩy tương tác học tập lẫn nhau, đồng sáng tạo, liên kết mạng lưới và liên kết tri thức.

2.2. Thực trạng vai trò của các trường đại học Việt Nam trong hệ sinh thái khởi nghiệp

Một là, đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực

Theo Niên giám thống kê năm 2024, số lượng các cơ sở giáo dục đại học tăng từ 237 năm 2019 lên đến 243 năm 2023, trong đó số cơ sở giáo dục đại học công lập tăng từ 172 đến

176, ngoài công lập tăng từ 65 lên 67.

Theo Sách trắng Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam năm 2024 (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025), theo khu vực thực hiện, các tổ chức giáo dục đại học chiếm 45,90% tổng số nhân lực nghiên cứu, phát triển - chiếm tỷ lệ lớn nhất trong các loại hình tổ chức (Hình 1).

Hai là, công bố quốc tế, văn bằng sáng chế, đăng ký sở hữu trí tuệ

Các cơ sở giáo dục đại học hiện nay giữ vai trò chủ đạo và là thành phần nòng cốt trong hệ thống nghiên cứu khoa học quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025).

Năm 2024, tổng số lượng công bố quốc tế của Việt Nam là 14.815 bài, với 154 công trình thuộc nhóm 1% các bài báo được trích dẫn nhiều nhất thế giới. Tuy nhiên, so với các giai đoạn trước, cả số lượng công bố và tỷ trọng các công bố có tầm ảnh hưởng cao đều ghi nhận xu hướng giảm, chạm mức thấp nhất trong giai đoạn năm 2015-2024 (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025).

Ba là, về số lượng văn bằng, sáng chế của các viện và trường

Về năng lực bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của khối viện nghiên cứu và trường đại học, mặc dù đã có những bước tiến nhất định, song kết quả xác lập quyền đối với sáng chế vẫn còn nhiều hạn chế. Năm 2024, các nhà đăng ký quốc tế chiếm tới 87,62% tổng lượng đơn yêu

Hình 1: Nhân lực nghiên cứu và phát triển Việt Nam theo khu vực

*Nguồn: Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025
đơn vị tính: người*

Nhân lực NC&PT	Tổng số	Tổ chức NC&PT	Cơ sở giáo dục đại học	Tổ chức dịch vụ	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khác	Doanh nghiệp
Nhà nghiên cứu	173.041	27.232	80.181	15.357	17.862	32.409
Nhân viên kỹ thuật	10.819	1.661	2.606	1.200	1.386	3.966
Nhân viên hỗ trợ	23.978	3.446	12.607	1.809	1.668	4.448
Tổng cộng	207.383	32.339	95.394	18.366	20.916	40.823

cầu bảo hộ và nắm giữ 93,05% tổng số bằng độc quyền sáng chế được cấp (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025). Thực trạng này cho thấy sự lệ thuộc lớn vào công nghệ ngoại nhập và phản ánh mức độ hạn chế của các viện nghiên cứu, trường đại học trong việc tạo ra các giải pháp kỹ thuật có tính mới được bảo hộ tại Việt Nam.

Bốn là, số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp có nguồn gốc từ trường đại học

Giai đoạn 2016-2022, tỷ trọng startup/spin-off có nguồn gốc từ các trường đại học chỉ chiếm chưa đầy 10%. Năm 2023, số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp có nguồn gốc từ trường đại học chỉ đạt xấp xỉ 200 đơn vị (Đăng Đức Thành, 23/11/2023). Sự khiêm tốn về số lượng doanh nghiệp được thành lập, đi kèm với những thách thức về chất lượng vận hành, cho thấy việc chuyển hóa từ các dự án tiềm năng trong môi trường học thuật sang các thực thể kinh doanh trên thị trường vẫn là một điểm nghẽn chiến lược.

Năm là, sự liên kết của các viện nghiên cứu, trường đại học trong hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế

Sự kết nối giữa các tổ chức như viện nghiên cứu, trường đại học với các doanh nghiệp nói chung và startup nói riêng còn hạn chế, chưa trở thành công cụ hiệu quả để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược quốc gia. Trong số các doanh

nh nghiệp có thực hiện đổi mới sáng tạo, số doanh nghiệp hợp tác thực chất với các trường đại học là không nhiều (Phạm Đức Nghiệm và cộng sự, 2021). Theo báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu, chỉ số hợp tác nghiên cứu, phát triển giữa trường đại học và doanh nghiệp của Việt Nam giảm 5 điểm từ 27 năm 2023 xuống 32 năm 2024; số thương vụ liên doanh/liên minh chiến lược cũng giảm 3 điểm từ 81 xuống 84 (WIPO, 2024).

Sáu là, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của các viện nghiên cứu và trường đại học

Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2024, nội dung “Sản phẩm tri thức và công nghệ” của Việt Nam tăng 4 bậc, đạt vị trí thứ 44 trên bảng xếp hạng. Đây là năm thứ ba liên tiếp nội dung này ghi nhận sự cải thiện về thứ hạng, cho thấy sự khả quan trong hiệu suất đầu ra của các hoạt động đổi mới sáng tạo nội địa. Tuy nhiên, kết quả này vẫn thấp hơn năm 2019 (hạng 27). Bên cạnh đó, tỷ lệ kết quả nghiên cứu và phát triển được thương mại hóa hoặc được ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam còn thấp và số liệu chưa thống nhất.

Khảo sát giai đoạn 2012-2018 ở Việt Nam cho thấy, các giao dịch công nghệ có nguồn gốc nội địa chỉ chiếm khoảng 30%, chủ yếu từ doanh nghiệp (khoảng 80%), 20% đến từ các trường đại học/trung tâm công nghệ/viện nghiên

Hình 2: Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam

Nguồn: Wipo, 2024

TT	Chỉ số	2023	2024	Thay đổi
	Liên kết sáng tạo	43	41	+2
1	Tỷ lệ đồng xuất bản các bài báo có sự hợp tác giữa khu vực viện, trường và doanh nghiệp (%)		66	Chỉ số mới
2	Hợp tác NC&PT giữa trường đại học và doanh nghiệp	27	32	-5
3	Quy mô phát triển của cụm công nghiệp	26	24	+2
4	Số thương vụ liên doanh/liên minh chiến lược/tỷ PPPS GDP	81	84	-3
5	Số sáng chế nộp đơn tại 2 văn phòng/tỷ PPPS GDP	69	67	+2

cứu (tương đương 6% tổng giao dịch trên thị trường) (Phạm Đức Nghiêm và cộng sự, 2021).

Từ những phân tích trên cho thấy, vai trò của các trường đại học Việt Nam trong hệ sinh thái khởi nghiệp còn nhiều hạn chế, xuất phát từ những nguyên nhân về thể chế, chính sách cũng như từ phía các trường đại học:

Nguyên nhân liên quan đến khung luật pháp, chính sách:

Thứ nhất, rào cản từ cơ chế “xin - cho” trong quản lý tài sản công. Kết quả nghiên cứu khoa học từ ngân sách nhà nước được xác định là tài sản công, quyền quản lý và định đoạt thuộc về cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi có nhu cầu hợp tác với các doanh nghiệp thương mại hóa kết quả nghiên cứu, các trường đại học phải thực hiện quy trình xin phép phức tạp để được giao quyền sở hữu hoặc sử dụng. Cơ chế này tạo ra tâm lý e ngại, làm chậm tiến độ đàm phán hợp tác với doanh nghiệp và làm giảm động lực đổi mới sáng tạo trong môi trường đại học.

Thứ hai, nút thắt trong định giá tài sản trí tuệ. Để được giao quyền, tài sản trí tuệ phải được định giá làm căn cứ ra quyết định. Tuy nhiên, đây là một quy trình đặc biệt phức tạp do tính chất vô hình của tài sản và sự đa dạng của các lĩnh vực công nghệ mới. Thách thức này đến từ cả hai phía (1) Đối với đơn vị chủ trì: chi phí định giá cao và khó tìm được tổ chức tư vấn chuyên nghiệp có đủ năng lực thẩm định các công nghệ tiên phong, (2) Đối với cơ quan quản lý: việc thiếu một thị trường giao dịch tài sản vô hình minh bạch khiến các cơ quan có thẩm quyền lúng túng trong việc phê duyệt giá trị. Nỗi lo về trách nhiệm pháp lý liên quan đến “thất thoát tài sản công” nếu định giá sai lệch đã trở thành rào cản tâm lý lớn nhất. Hệ quả là nhiều kết quả nghiên cứu khoa học có tiềm năng ứng dụng cao vẫn bị “cất ngăn kéo” và

không thể chuyển giao cho doanh nghiệp. Điều này không chỉ gây lãng phí nguồn lực quốc gia mà còn làm đứt gãy chuỗi giá trị từ nghiên cứu đến sản xuất thực tiễn.

Thứ ba, quy định về việc thành lập và phát triển mô hình spin-off

Trở ngại cốt lõi đối với tiến trình hình thành và phát triển mô hình doanh nghiệp khoa học công nghệ dựa trên nền tảng tri thức đại học tại Việt Nam hiện nay xuất phát từ sự thiếu hụt các khung pháp lý chuyên biệt. Việc chưa có những văn bản quy phạm pháp luật cụ thể để điều chỉnh các quan hệ pháp lý đặc thù của mô hình này đang tạo ra những điểm nghẽn thực thi.

Thứ tư, bất cập trong cơ chế phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu

Theo Khoản 3 Điều 28 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy hoạch việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, việc phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu được xác định dựa trên tỷ lệ vốn nhà nước tham gia đầu tư. Điều này có nghĩa là mức hỗ trợ từ ngân sách càng lớn, nghĩa vụ tài chính hoàn trả Nhà nước của tổ chức, cá nhân càng cao. Dù được thiết lập nhằm bảo đảm công bằng và tránh thất thoát ngân sách, cơ chế này cũng tạo ra những rào cản đáng kể:

Làm suy giảm động lực kinh tế. Quy trình chuyển hóa tài sản trí tuệ thành sản phẩm thương mại luôn đòi hỏi vốn đầu tư lớn và mức độ rủi ro cao. Việc yêu cầu hoàn trả lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà nước làm gia tăng gánh nặng tài chính, gây ra sự bất tương xứng giữa rủi ro gánh chịu và lợi ích tiềm năng. Điều này khiến các nhà đầu tư trở nên thận trọng, dẫn đến sự thiếu hụt các dự án ứng dụng công nghệ trong thực tiễn.

Cản trở sự hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp khoa học. Nghĩa vụ thu hồi kinh phí đầu tư làm giảm sự quan tâm của các đơn vị chủ trì trong việc đưa kết quả nghiên cứu ra thị trường. Hệ quả là mối liên kết giữa khu vực nghiên cứu và khu vực doanh nghiệp bị suy yếu.

Thứ năm, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển còn hạn chế

Tổng chi tiêu quốc gia cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của Việt Nam năm 2023 là 42.784 tỷ đồng, tăng 18,6% so với năm 2021 và chiếm tỷ trọng 0,42% GDP. Mặc dù tổng chi có xu hướng tăng về giá trị tuyệt đối, song tỷ lệ trên GDP lại có sự sụt giảm từ mức 0,53% (năm 2019) xuống còn 0,42% (năm 2021) (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025).

Nguyên nhân liên quan đến các trường đại học

Một là, hạn chế về tư duy quản trị và định hướng chiến lược. Một số cơ sở giáo dục đại học Việt Nam chưa nhận thức đầy đủ vai trò chiến lược trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Trong khi khối kỹ thuật đã có những bước tiến, các lĩnh vực kinh tế và khoa học xã hội vẫn lúng túng trong việc chuyển hóa tri thức thành giá trị kinh tế.

Bên cạnh đó, tư duy quản lý nặng tính hành chính, tập trung quản lý ngân sách đề tài hơn là kiến tạo phát triển, định hướng thị trường. Các tổ chức trung gian như Văn phòng chuyển giao công nghệ (TTO), vườn ươm hay trung tâm đổi mới sáng tạo chưa được đầu tư bài bản, dẫn đến đứt gãy dòng thông tin giữa nhà trường và doanh nghiệp, gây khó khăn cho việc huy động nguồn lực đầu tư.

Hai là, rào cản kỹ thuật và năng lực thương mại hóa. Quá trình thương mại hóa đối mặt với ba thách thức lớn: (i) Sản phẩm nghiên cứu có mức độ sẵn sàng công nghệ thấp, ít kết quả đủ điều kiện cấp bằng sáng chế; (ii) Công nghệ

hoàn thiện thường chỉ áp dụng được ở quy mô rất nhỏ; (iii) Công tác tiếp thị công nghệ còn yếu kém (Nguyễn Quang Tuấn, 2017).

Ba là, thiếu nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Sự thiếu hụt chuyên gia chuyển giao công nghệ và hạ tầng kỹ thuật (phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm) khiến quy trình hoàn thiện sản phẩm bị gián đoạn. Nhiều nghiên cứu giá trị vì thế bị “lãng quên”, gây lãng phí nguồn lực xã hội. Cơ chế phân chia lợi ích chưa thỏa đáng đã làm triệt tiêu động lực đổi mới sáng tạo của các nhà khoa học, cản trở sự phát triển bền vững của các sản phẩm đột phá từ môi trường học thuật.

2.3. Giải pháp tăng cường vai trò của các trường đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

Một là, hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế chính sách

Trước hết, cần đơn giản hóa thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đại học. Thay cho cơ chế “xin - cho” hiện hành, nên áp dụng cơ chế tự động giao quyền, gắn với các điều kiện và cam kết cụ thể về khai thác, thương mại hóa. Bên cạnh đó, cần xây dựng các hướng dẫn chi tiết và mô hình chuẩn về định giá tài sản trí tuệ, đặc biệt là tài sản vô hình, nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý cho các tổ chức chủ trì và cơ quan quản lý trong quá trình chuyển giao, góp vốn hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Một nội dung then chốt khác là điều chỉnh cơ chế phân chia lợi nhuận. Theo đó, cần sửa đổi các quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP theo hướng ưu tiên lợi ích cho nhà khoa học và tổ chức chủ trì. Việc giảm tỷ lệ hoàn trả cho Nhà nước hoặc cho phép tái đầu tư phần lợi nhuận này vào hoạt động nghiên cứu, phát triển công

nghe sẽ tạo động lực cho thương mại hóa, đồng thời khuyến khích các nhà nghiên cứu và sinh viên theo đuổi các đề tài có tính ứng dụng cao.

Nhà nước cần hình thành các quỹ hỗ trợ thương mại hóa công nghệ ở cấp quốc gia, bộ, ngành và địa phương để tài trợ hoặc cho vay ưu đãi nhằm hỗ trợ nhóm nghiên cứu hoàn thiện sản phẩm, thử nghiệm thị trường và thực hiện thủ tục bảo hộ sở hữu trí tuệ. Đồng thời, cần áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng đối với doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển tại các trường đại học hoặc tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ viện, trường, qua đó thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong giáo dục đại học.

Hai là, phát triển hạ tầng và tổ chức trung gian trong trường đại học

Tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật tại các trường đại học, đặc biệt là các phòng thí nghiệm mở (Fablab) và cơ sở sản xuất thử nghiệm. Đây là điều kiện quan trọng giúp giảng viên và sinh viên hoàn thiện công nghệ, sản phẩm mẫu và kiểm chứng tính khả thi trước khi đưa ra thị trường.

Các trường đại học cần chủ động xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo nội bộ theo hướng đồng bộ và bền vững, trong đó khuyến khích phát triển mô hình “doanh nghiệp trong nhà trường” đóng vai trò đầu tàu, dẫn dắt và lan tỏa hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Cần chuyển đổi từ mô hình quản lý mang nặng tính hành chính sang mô hình hỗ trợ và thúc đẩy thị trường trong hoạt động đổi mới sáng tạo của các trường đại học. Theo đó, chú trọng thiết lập và phát triển các tổ chức trung gian chuyên nghiệp ngay trong khuôn viên trường, như văn phòng chuyển giao công nghệ (TTO), văn phòng cấp phép công nghệ (TLO), các vườn ươm doanh nghiệp và trung

tâm đổi mới sáng tạo, làm cầu nối hiệu quả giữa nghiên cứu, đào tạo và thị trường.

Ba là, nâng cao năng lực của cán bộ, giảng viên và thay đổi tư duy của ban lãnh đạo các trường đại học

Trước hết, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia và cán bộ hỗ trợ chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trang bị kiến thức liên ngành về pháp luật, thuế, kế toán, quản trị kinh doanh và sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao năng lực tư vấn, đồng hành cùng các nhóm nghiên cứu.

Cùng với đó, cần thúc đẩy mạnh mẽ tư duy nghiên cứu định hướng thị trường, chuyển từ cách tiếp cận dựa trên “những gì nhà trường, nhà khoa học có” sang “những gì thị trường và xã hội cần”. Việc áp dụng các phương pháp hiện đại như tư duy thiết kế, phát triển sản phẩm tinh gọn trong quá trình nghiên cứu và phát triển sẽ giúp nâng cao tính ứng dụng và khả năng thương mại hóa của kết quả nghiên cứu.

Đồng thời, cần tiếp tục lan tỏa tinh thần khởi nghiệp trong cộng đồng học thuật thông qua việc duy trì và mở rộng các câu lạc bộ, chương trình ươm tạo và cuộc thi khởi nghiệp, qua đó hình thành nguồn dự án tiềm năng dồi dào, có chất lượng cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong trường đại học.

Bốn là, tăng cường liên kết Nhà nước - trường đại học - doanh nghiệp

Cần thúc đẩy mạnh mẽ các hình thức liên kết 3 nhà, trong đó Nhà nước đóng vai trò kiến tạo và trung gian kết nối. Nhà nước tổ chức các diễn đàn kết nối cung - cầu công nghệ, phát triển các sàn giao dịch công nghệ để trường đại học giới thiệu, chào bán kết quả nghiên cứu, đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận, lựa chọn các giải pháp kỹ thuật phù hợp.

Mở rộng quyền tự chủ và khuyến khích hình thành văn hóa khởi nghiệp trong các trường đại học. Cùng với đó, cần xây dựng các cơ chế tôn vinh, khen thưởng đối với các trường đại học và nhà khoa học có thành tích xuất sắc trong chuyển giao công nghệ, qua đó góp phần hình thành và lan tỏa văn hóa đổi mới sáng tạo, tinh thần doanh nhân trong giới học thuật.

Các trường đại học cần chuyển từ thế bị động sang chủ động nắm bắt các bài toán thực tiễn của sản xuất, kinh doanh, từng bước xây dựng mối quan hệ hợp tác dài hạn, ổn định và mang tính đối tác chiến lược với doanh nghiệp, thay vì chỉ dừng lại ở các hợp đồng ngắn hạn, rời rạc.

Về phía doanh nghiệp, cần tăng cường niềm tin và chủ động đặt hàng nghiên cứu cho các trường đại học, viện nghiên cứu; đồng thời, xây dựng bộ phận nghiên cứu, phát triển đủ năng lực để phối hợp đánh giá, giám sát và đồng hành cùng nhóm nghiên cứu trong suốt quá trình thực hiện.

3. Kết luận

Trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trường đại học đóng vai trò hạt nhân giúp đào tạo, cung cấp nguồn lực chất lượng cao, chuyển hóa tri thức thành giá trị kinh tế. Trong thời gian qua, dù sở hữu lực lượng nghiên cứu đông đảo và số lượng công bố khoa học không ngừng tăng, vai trò của trường đại học Việt Nam trong thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và hình thành doanh nghiệp từ đại học vẫn là một điểm nghẽn chiến lược. Hạn chế này bắt nguồn từ sự thiếu hụt các khung pháp lý chuyên biệt, những bất cập trong quản lý tài sản công và cơ chế phân chia lợi ích, cùng với tư duy quản lý còn nặng tính hành chính thay vì kiến tạo phát triển. Để khơi thông các nguồn lực, phát huy vai trò trung tâm của trường đại học, cần phải đổi mới thể chế mạnh mẽ theo hướng đơn giản hóa thủ tục giao quyền, điều chỉnh cơ chế phân chia lợi nhuận, quy định cho

viên chức tham gia quản lý doanh nghiệp và nâng mức đầu tư cho nghiên cứu, phát triển. Bên cạnh đó, các trường đại học cần thay đổi tư duy từ quản lý sang quản trị toàn diện, kiến tạo phát triển, nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu và hợp tác chiến lược, dài hạn với khu vực doanh nghiệp □

Ngày nhận: 06/5/2026;

Ngày bình duyệt: 12/6/2026;

Ngày duyệt đăng: 22/6/2026.

Email tác giả: honghabt@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

Bộ Khoa học và Công nghệ (2025). *Sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam 2024*. Nxb Khoa học và kỹ thuật.

ĐCSVN (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập 1)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Đặng Đức Thành (23/11/2023). *Đại học khởi nghiệp: Xu thế của thế giới. Báo điện tử Chính Phủ chuyên trang Thành phố Hồ Chí Minh*. <https://tphcm.chinhphu.vn/>.

Etzkowitz, H., & Leydesdor, L. (2000). The Dynamics of Innovation: From National Systems and “Mode 2” to a Triple Helix of University-Industry-Government Relations. *Research Policy*, 29(2), 109-123

Hoàng Thị Bảo Thoa (25/3/2022). *Tăng cường vai trò của trường đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam*. <https://ueb.edu.vn/>.

Mason, C., & Brown, R. (2014). *Entrepreneurial Ecosystems and Growth Oriented Entrepreneurship*. Final Report to OECD, Paris, 30, 77-102.

Phạm Đức Nghiệm, Tạ Bá Hưng, Nguyễn Hữu Xuyên (2021). Định vị tổ chức trung gian của thị trường KH&CN trong quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo. *Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam*, số 06, tr.10-13.

WIPO (2024). *Global innovation index*. <https://www.wipo.int/>.